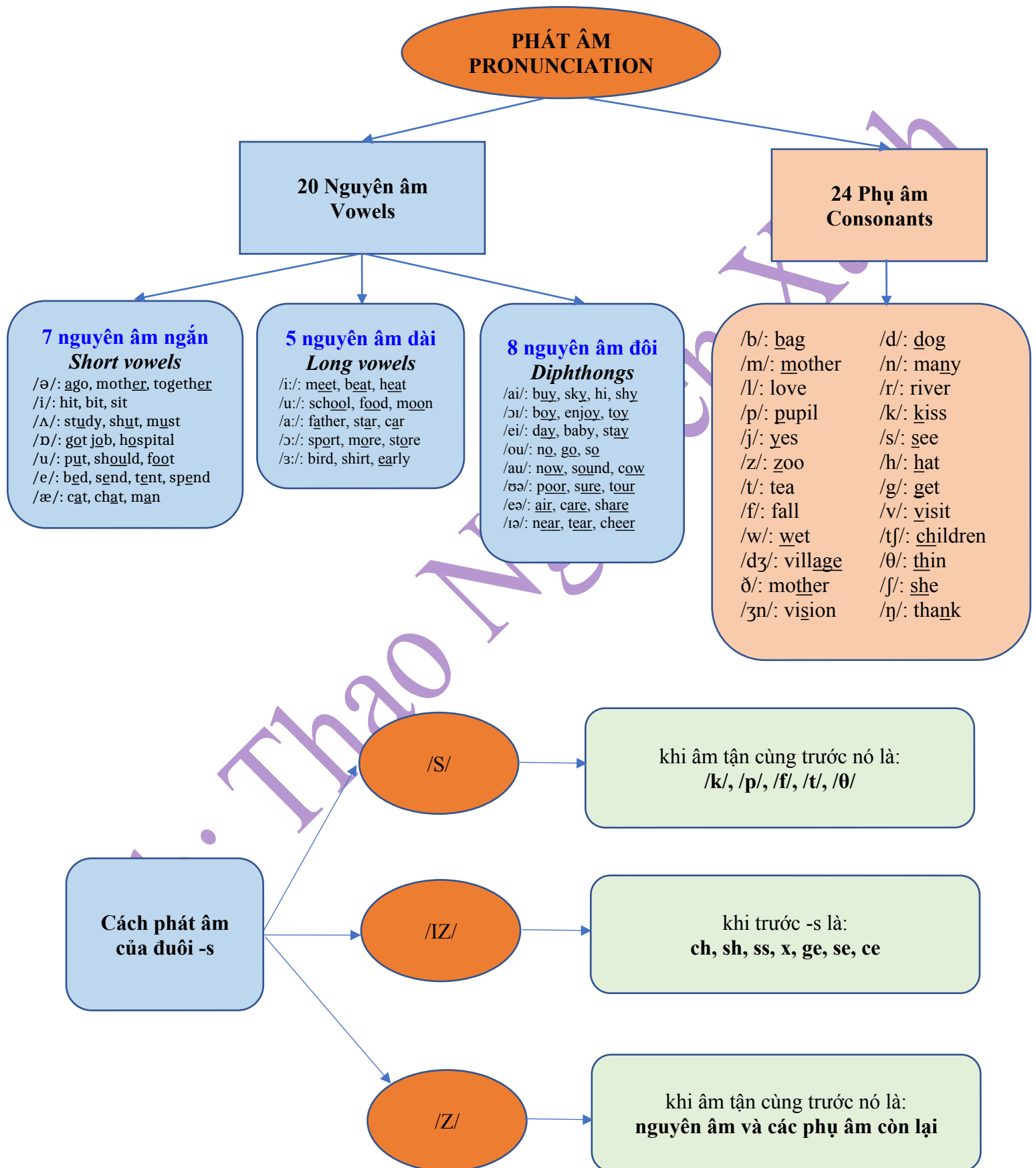
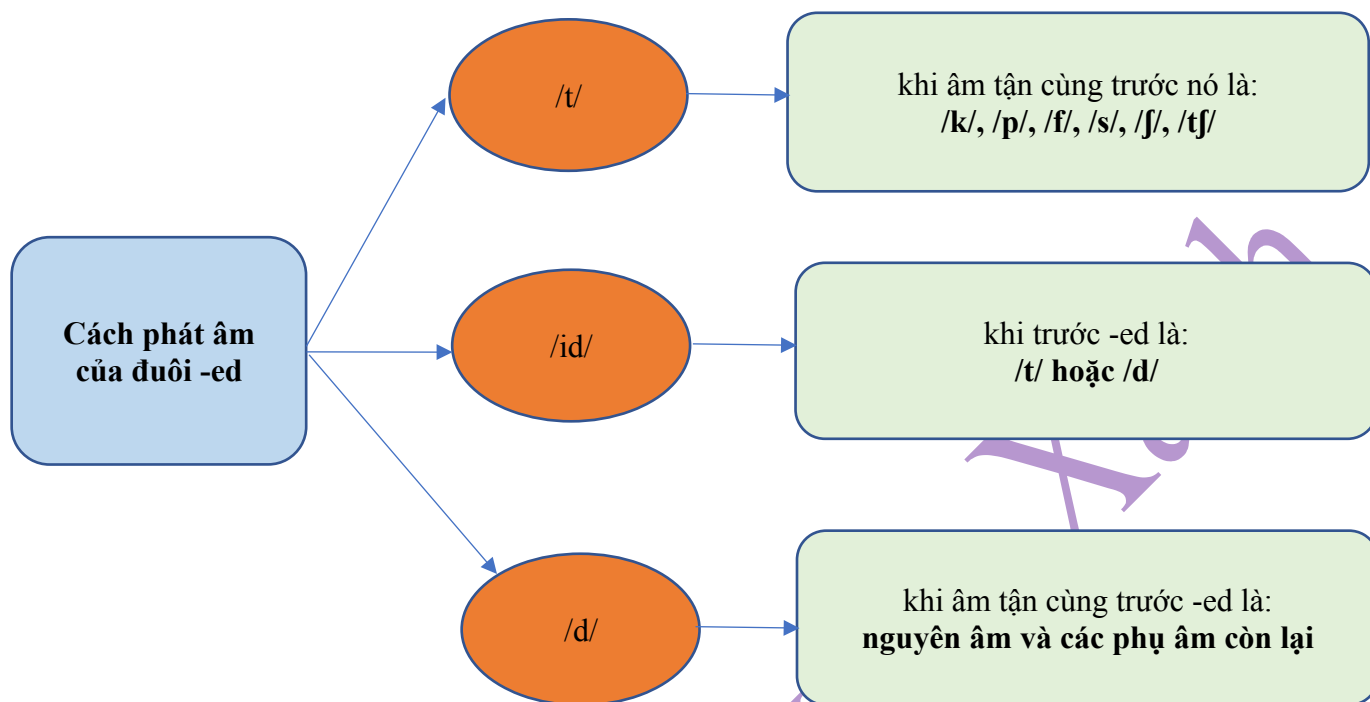


PART 8: PHÁT ÂM





Lưu ý:

Một số từ kết thúc bằng -ed được dùng làm tính từ/danh từ, đuôi -ed được phát âm là /ɪd/:

1. aged /eɪdʒɪd/ (a): cao tuổi, lớn tuổi
aged /eɪdʒd/ (Vpast): trở nên già, làm cho già cỗi
2. blessed /blesɪd/ (a): thần thánh, thiêng liêng
3. crooked /krʊkɪd/ (a): cong, oằn, vặn vẹo
4. dogged /dɒɡdɪ / (a): gan góc, gan lì, bền bỉ
5. naked /neɪkɪd/ (a): trơ trụi, trần truồng
6. learned /lɜːnɪd/ (a): có học thức, thông thái, uyên bác
learned /lɜːnd/ (Vpast): học
7. ragged /ræɡɪd / (a): rách tả tơi, bù xù
8. wicked /wɪkɪd/ (a): tính quái, ranh mãnh, nguy hại
9. wretched /ˈretʃɪd/ (a): khốn khổ, bần cùng, tồi tệ
10. beloved /brɪˈlʌvɪd/ (a): yêu thương
11. cursed /kɜːst/ (a): tức giận, khó chịu
12. rugged /ˈrʌɡɪd/ (a): xù xì, gồ ghề
13. sacred /ˈseɪkrɪd / (a): thiêng liêng, trân trọng
14. legged /ˈlegɪd / (a): có chân
15. hatred /ˈheɪtrɪd / (a): lòng hận thù

16. crabbed /'kræbɪd / (a):

cầu nhàu, gắt gỏng

PRACTICE EXERCISES

Exercise 1.1: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | | |
|--------------|----------------------|----------------------|---------------------|---------------------|
| Question 1: | A. <u>round</u> | B. <u>ground</u> | C. <u>shout</u> | D. <u>touch</u> |
| Question 2: | A. <u>travelled</u> | B. <u>behaved</u> | C. <u>practised</u> | D. <u>combined</u> |
| Question 3: | A. <u>threatened</u> | B. <u>promised</u> | C. <u>injured</u> | D. <u>agreed</u> |
| Question 4: | A. <u>bread</u> | B. <u>heat</u> | C. <u>peak</u> | D. <u>steal</u> |
| Question 5: | A. <u>performed</u> | B. <u>discussed</u> | C. <u>cancelled</u> | D. <u>followed</u> |
| Question 6: | A. <u>leave</u> | B. <u>teach</u> | C. <u>speak</u> | D. <u>learn</u> |
| Question 7: | A. <u>count</u> | B. <u>doubt</u> | C. <u>group</u> | D. <u>sound</u> |
| Question 8: | A. <u>happened</u> | B. <u>reduced</u> | C. <u>survived</u> | D. <u>bothered</u> |
| Question 9: | A. <u>deal</u> | B. <u>teach</u> | C. <u>break</u> | D. <u>clean</u> |
| Question 10: | A. <u>supported</u> | B. <u>approached</u> | C. <u>noticed</u> | D. <u>finished</u> |
| Question 11: | A. <u>laughs</u> | B. <u>drops</u> | C. <u>maintains</u> | D. <u>imports</u> |
| Question 12: | A. <u>justice</u> | B. <u>campus</u> | C. <u>culture</u> | D. <u>brush</u> |
| Question 13: | A. <u>wanted</u> | B. <u>stopped</u> | C. <u>decided</u> | D. <u>hated</u> |
| Question 14: | A. <u>century</u> | B. <u>culture</u> | C. <u>secure</u> | D. <u>applicant</u> |
| Question 15: | A. <u>finished</u> | B. <u>developed</u> | C. <u>defeated</u> | D. <u>looked</u> |
| Question 16: | A. <u>hesitate</u> | B. <u>reserve</u> | C. <u>physics</u> | D. <u>basic</u> |
| Question 17: | A. <u>sale</u> | B. <u>chalk</u> | C. <u>date</u> | D. <u>plane</u> |
| Question 18: | A. <u>toured</u> | B. <u>jumped</u> | C. <u>solved</u> | D. <u>rained</u> |
| Question 19: | A. <u>dressed</u> | B. <u>dropped</u> | C. <u>matched</u> | D. <u>joined</u> |
| Question 20: | A. <u>walk</u> | B. <u>call</u> | C. <u>take</u> | D. <u>talk</u> |
| Question 21: | A. <u>date</u> | B. <u>face</u> | C. <u>page</u> | D. <u>map</u> |
| Question 22: | A. <u>played</u> | B. <u>planned</u> | C. <u>cooked</u> | D. <u>lived</u> |
| Question 23: | A. <u>find</u> | B. <u>think</u> | C. <u>drive</u> | D. <u>mind</u> |
| Question 24: | A. <u>missed</u> | B. <u>talked</u> | C. <u>watched</u> | D. <u>cleaned</u> |
| Question 25: | A. <u>washed</u> | B. <u>passed</u> | C. <u>worked</u> | D. <u>opened</u> |
| Question 26: | A. <u>hate</u> | B. <u>face</u> | C. <u>make</u> | D. <u>dance</u> |
| Question 27: | A. <u>mood</u> | B. <u>flood</u> | C. <u>spoon</u> | D. <u>moon</u> |
| Question 28: | A. <u>listens</u> | B. <u>reviews</u> | C. <u>protects</u> | D. <u>enjoys</u> |
| Question 29: | A. <u>delays</u> | B. <u>begins</u> | C. <u>attracts</u> | D. <u>believes</u> |
| Question 30: | A. <u>head</u> | B. <u>bean</u> | C. <u>meal</u> | D. <u>team</u> |
| Question 31: | A. <u>great</u> | B. <u>cheap</u> | C. <u>clean</u> | D. <u>mean</u> |
| Question 32: | A. <u>improves</u> | B. <u>destroys</u> | C. <u>suggests</u> | D. <u>reminds</u> |
| Question 33: | A. <u>dream</u> | B. <u>wear</u> | C. <u>treat</u> | D. <u>mean</u> |
| Question 34: | A. <u>attacks</u> | B. <u>medals</u> | C. <u>concerns</u> | D. <u>fingers</u> |
| Question 35: | A. <u>meat</u> | B. <u>threat</u> | C. <u>beat</u> | D. <u>seat</u> |
| Question 36: | A. <u>wonders</u> | B. <u>problems</u> | C. <u>mountains</u> | D. <u>moments</u> |
| Question 37: | A. <u>washed</u> | B. <u>formed</u> | C. <u>turned</u> | D. <u>boiled</u> |
| Question 38: | A. <u>house</u> | B. <u>mouth</u> | C. <u>could</u> | D. <u>found</u> |
| Question 39: | A. <u>drought</u> | B. <u>fought</u> | C. <u>brought</u> | D. <u>bought</u> |
| Question 40: | A. <u>builds</u> | B. <u>destroys</u> | C. <u>occurs</u> | D. <u>prevents</u> |
| Question 41: | A. <u>dumb</u> | B. <u>shut</u> | C. <u>sunny</u> | D. <u>tube</u> |
| Question 42: | A. <u>advertise</u> | B. <u>variety</u> | C. <u>standard</u> | D. <u>natural</u> |
| Question 43: | A. <u>appeal</u> | B. <u>ease</u> | C. <u>team</u> | D. <u>already</u> |
| Question 44: | A. <u>page</u> | B. <u>age</u> | C. <u>village</u> | D. <u>stage</u> |

- Question 45: A. abroad B. coal C. road D. toasty
 Question 46: A. good B. book C. foot D. food
 Question 47: A. dear B. near C. bear D. fear
 Question 48: A. sound B. touch C. amount D. account
 Question 49: A. undermine B. image C. discipline D. magazine
 Question 50: A. timeline B. memorise C. citadel D. financial
 Question 51: A. stool B. blood C. soon D. moon
 Question 52: A. feat B. great C. seat D. meat
 Question 53: A. stomach B. chopstick C. monument D. robbery
 Question 54: A. floppy B. accompany C. trophy D. simplify
 Question 55: A. shoulder B. announce C. around D. background
 Question 56: A. email B. prepare C. equal D. jewel
 Question 57: A. awful B. straw C. award D. outlaw
 Question 58: A. eliminate B. priate C. locate D. stimulate
 Question 59: A. sorrow B. follow C. eyebrow D. show
 Question 60: A. laughter B. cautiun C. appause D. autumn

ĐÁP ÁN

1.D	2.C	3.B	4.A	5.B	6.D	7.C	8.B	9.C	10.A
11.C	12.B	13.B	14.A	15.C	16.D	17.B	18.B	19.D	20.C
21.D	22.C	23.B	24.D	25.D	26.D	27.B	28.C	29.C	30.A
31.A	32.C	33.B	34.A	35.B	36.D	37.A	38.C	39.A	40.D
41.D	42.B	43.D	44.C	45.A	46.D	47.C	48.B	49.D	50.C
51.B	52.B	53.A	54.D	55.A	56.D	57.C	58.B	59.C	60.A

Exercise 1.1: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Câu 1

Đáp án D

- A. round: /raʊnd/
 B. ground: /graʊnd/
 C. shout /ʃaʊt/
 D. touch /tʌtʃ/

Câu 2

Đáp án C

- A. travelled /'trævlɪd/
 B. behaved /br'heɪvd/
 C. practised /'præktɪst/
 D. combined /kəm'baɪnd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

- Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
- Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
- Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 3

Đáp án B

- A. threatened /'θretnd/
- B. promised /'promist/
- C. injured /'ɪndʒəd/
- D. agreed /ə'gri:d/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 4

Đáp án A

- A. bread /bred/
- B. heat /hi:t/
- C. peak /pi:k/
- D. steal /sti:l/

Câu 5

Đáp án B

- A. performed /pə'fɔ:md/
- B. discussed /dɪ'skʌst/
- C. cancelled /'kænsld/
- D. followed /'fɒləʊd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 6

Đáp án D

- A. leave /li:v/
- B. teach /ti:tʃ/
- C. speak /spi:k/
- D. learn /lɜ:n/

Câu 7

Đáp án C

- A. count /kaʊnt/
- B. doubt /daʊt/
- C. group /gru:p/
- D. sound /saʊnd/

Câu 8

Đáp án B

- A. happened /'hæpənd/
- B. reduced /rɪ'dju:st/
- C. survived /sə'vaɪvd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động

từ có từ phát âm cuối là “s”.

2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.

3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 9

Đáp án C

A. deal /di:l/

B. teach /ti:tʃ/

C. break /breɪk/

D. clean /kli:n/

Câu 10

Đáp án A

A. supported /sə'pɔ:tɪd/

B. approached /ə'prəʊtʃt/

C. noticed /'nəʊtɪst/

D. finished /'fɪnɪʃt/

Giải thích:

Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.

2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.

3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 11

Đáp án C

A. laughs /lɑ:fs/

B. drops /drɒps/

C. maintains /meɪn'teɪnz/

D. imports /'ɪmpɔ:ts/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:ks]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 12

Đáp án B

A. justice /'dʒʌstɪs/

B. campus /'kæmpəs/

C. culture /'kʌltʃə(r)/

D. brush /brʌʃ/

Câu 13

Đáp án B

A. wanted /'wɒntɪd/

B. stopped /stɒpt/

C. decided /dɪ'saɪdɪd/

D. hated /hertɪd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 14

Đáp án A

- A. century /'sentʃəri/
- B. culture /'kʌltʃə(r)/
- C. secure /sɪ'kjʊə(r)/
- D. applicant /'æplɪkənt/

Câu 15

Đáp án C

- A. finished /'fɪnɪʃt/
- B. developed /dɪ'veləpt/
- C. defeated /dɪ'fi:tɪd/
- D. looked /lʊkt/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 16

Đáp án D

- A. hesitate /'hezɪteɪt/
- B. reserve rɪ'zɜ:v/
- C. physics /'fɪzɪks/
- D. basic /'beɪsɪk/

Câu 17

Đáp án B

- A. sale /seɪl/
- B. chalk /tʃɔ:k/
- C. date /deɪt/
- D. plane /pleɪn/

Câu 18

Đáp án B

- A. toured /tʊə(r)d/
- B. jumped /dʒʌmpt/
- C. solved /sɒlvd/
- D. rained /reɪnd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 19

Đáp án D

- A. dressed /drest/
- B. dropped /drɒpt/
- C. matched /mætʃt/
- D. joined /dʒɔɪnd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 20

Đáp án C

- A. walk /wɔ:k/
- B. call kɔ:l/
- C. take /teɪk/
- D. talk /tɔ:k/

Câu 21

Đáp án D

- A. date /deɪt/
- B. face /feɪs/
- C. page /peɪdʒ/
- D. map /mæp/

Câu 22

Đáp án C

- A. played /pleɪd/
- B. planned /plænd/
- C. cooked /kʊkt/
- D. lived /lɪvd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 23

Đáp án B

- A. find /faɪnd/
- B. think /θɪŋk/
- C. drive /draɪv/
- D. mind /maɪnd/

=> Đáp án B được phát âm là /i/. Các đáp án còn lại là /ai/.

Câu 24

Đáp án D

- A. missed /mɪst/
- B. talked /tɔːkt/
- C. watched /wɒtʃt/
- D. cleaned /kliːnd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 25

Đáp án D

- A. washed /wɒʃt/
- B. passed /pɑːst/
- C. worked /wɜːkt/
- D. opened /'əʊpənd/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 26

Đáp án D

- A. hate /heɪt/
- B. face /feɪs/
- C. make /meɪk/
- D. dance /dɑːns/

Câu 27

Đáp án B

- A. mood /muːd/
- B. flood /flʌd/
- C. spoon /spuːn/
- D. moon /muːn/

Câu 28

Đáp án C

- A. listens /'lɪsnz/
- B. reviews /rɪ'vjuːz/
- C. protects /prə'tektz/
- D. enjoys /ɪn'dʒɔɪz/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜːks]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 29

Đáp án C

- A. delays /dɪ'leɪz/
- B. begins /bɪ'ɡɪnz/
- C. attracts /ə'træktz/
- D. believes /bɪ'li:vz/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:kz]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 30

Đáp án A

- A. head /hed/
- B. bean /bi:n/
- C. meal /mi:l/
- D. team /ti:m/

Câu 31

Đáp án A

- A. great /ɡreɪt/
- B. cheap /tʃi:p/
- C. clean /kli:n/
- D. mean /mi:n/

Câu 32

Đáp án C

- A. improves /ɪm'pru:vz/
- B. destroys /dɪ'strɔɪz/
- C. suggests /sə'dʒests/
- D. reminds /rɪ'maɪndz/

Câu 33

Đáp án B

- A. dream /dri:m/
- B. wear /weə(r)/
- C. treat /tri:t/
- D. mean /mi:n/

Câu 34

Đáp án A

- A. attacks /ə'tæks/
- B. medals /'medlɪz/
- C. concerns /kən'sɜ:nz/
- D. fingers /'fɪŋgə(r)z/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:kz]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại
EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 35

Đáp án B

- A. meat /mi:t/
- B. threat /θret/
- C. beat /bi:t/
- D. seat /si:t/

Câu 36

Đáp án D

- A. wonders /'wʌndə(rz)/
- B. problems /'prɒbləmz/
- C. mountains /'maʊntənz/
- D. moments /'məmənts/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:ks]

Quy tắc 2: Phát âm là /iz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /misiz/ ; watches [wɒtʃiz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 37

Đáp án A

- A. washed/ wɒʃt/
- B. formed /fɔ:md/
- C. turned /tɜ:nd/
- D. boiled /bɔɪld/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 38

Đáp án C

- A. house /haʊs/
- B. mouth /maʊθ/
- C. could /kəd/
- D. found /faʊnd/

Câu 39

Đáp án A

- A. drought /draʊt/
- B. fought /fɔ:t/
- C. brought /brɔ:t/
- D. bought /bɔ:t/

Câu 40

Đáp án D

- A. builds /bɪldz/
- B. destroys /dɪ'strɔɪz/
- C. occurs /ə'kɜ:(r)z/
- D. prevents /prɪ'vents/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:kz]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 41

Đáp án D

- A. dumb /dʌm/
- B. shut /ʃʌt/
- C. sunny /'sʌni/
- D. tube /tju:b/

Câu 42

Đáp án B

- A. advertise /'ædvətaɪz/
- B. variety /və'reɪəti/
- C. standard /'stændəd/
- D. natural /'nætʃrəl/

Câu 43

Đáp án D

- A. appeal /ə'pi:l/
- B. ease /i:z/
- C. team /ti:m/
- D. already /ɔ:l'redi/

Câu 44

Đáp án C

- A. page /peɪdʒ/
- B. age /eɪdʒ/
- C. village /'vɪlɪdʒ/
- D. stage /steɪdʒ/

Câu 45

Đáp án A

- A. abroad /ə'brɔ:d/
- B. coal /kəʊl/
- C. road /rəʊd/
- D. toasty /'təʊsti/

Câu 46

Đáp án D

- A. good /gʊd/
- B. book /bʊk/
- C. foot /fʊt/
- D. food /fu:d/

Câu 47

Đáp án C

- A. dear /dɪə(r)/
- B. near /nɪə(r)/
- C. bear /beə(r)/
- D. fear /fɪə(r)/

Câu 48

Đáp án B

- A. sound /saʊnd/
- B. touch /tʌtʃ/
- C. amount /ə'maʊnt/
- D. account /ə'kaʊnt/

Câu 49

Đáp án D

- A. determine /dɪ'tɜ:.mɪn/
- B. imagine /ɪ'mædʒɪn/
- C. discipline /'dɪsəplɪn/
- D. magazine /,mæɡə'zi:n/

Câu 50

Đáp án C

- A. timeline /'taɪmlaɪn/
- B. memorise /'meməraɪz/
- C. citadel /'sɪtədəl/
- D. financial /fə'nænʃl/

Câu 51

Đáp án B

- A. stool /stu:l/
- B. blood /blʌd/
- C. soon /su:n/
- D. moon /mu:n/

Câu 52

Đáp án B

- A. feat /fi:t/
- B. great /greɪt/
- C. seat /si:t/
- D. meat /mi:t/

Câu 53

Đáp án A

- A. stomach /'stʌm.ək/

- B. chopstick /'tʃɒp.stɪk/
C. monument /'mɒn.jə.mənt/
D. robbery /'rɒb.ər.i/

Câu 54

Đáp án D

- A. floppy /'flɒpi/
B. accompany /ə'kʌmpəni/
C. trophy /'trɒfi/
D. simplify /'sɪmplɪfaɪ/

=> Đáp án D có cách phát âm đuôi -y là /ai/; các đáp án còn lại được phát âm là /i/.

Câu 55

Đáp án A

- A. shoulder /'ʃəʊldə(r)/
B. announce /ə'naʊns/
C. around /ə'raʊnd/
D. background /'bækgraʊnd/

Câu 56

Đáp án D

- A. email /'i:meɪl/
B. prepare /prɪ'peə(r)/
C. equal /'i:kwəl/
D. jewel /'dʒu:əl/

Câu 57

Đáp án C

- A. awful /'ɔ:fl/
B. straw /strɔ:/
C. award /ə'wɔ:d/
D. outlaw /'aʊtlɔ: /

Câu 58

Đáp án B

- A. eliminate /ɪ'lɪmɪneɪt/
B. private /'praɪvət/
C. locate /ləʊ'keɪt/
D. stimulate /'stɪmjuleɪt/

Câu 59

Đáp án C

- A. sorrow /'sɒrəʊ/
B. follow /'fɒləʊ/
C. eyebrow /'aɪbrəʊ/
D. show /ʃəʊ/

Câu 60

Đáp án A

- A. laughter /'lɑ:ftə(r)/
 B. caution /'kɔ:ʃn/
 C. applause /ə'plɔ:z/
 D. autumn /'ɔ:təm/

Exercise 1.2: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | | |
|--------------|------------------|----------------|----------------|----------------|
| Question 1: | A. captain | B. table | C. lazy | D. base |
| Question 2: | A. teammate | B. reading | C. seaside | D. creating |
| Question 3: | A. vegetation | B. destination | C. adventure | D. detective |
| Question 4: | A. risky | B. imprison | C. wildlife | D. victory |
| Question 5: | A. orphan | B. torch | C. afford | D. oxford |
| Question 6: | A. relieve | B. believe | C. thief | D. ancient |
| Question 7: | A. ghost | B. lost | C. post | D. mostly |
| Question 8: | A. crowded | B. towel | C. towed | D. vowel |
| Question 9: | A. globe | B. emotion | C. official | D. lonely |
| Question 10: | A. changes | B. durables | C. privileges | D. marches |
| Question 11: | A. abandoned | B. flourished | C. pumped | D. passed |
| Question 12: | A. variety | B. varied | C. variable | D. variation |
| Question 13: | A. discover | B. awesome | C. tongue | D. won |
| Question 14: | A. citrus | B. cereal | C. composer | D. cinema |
| Question 15: | A. ginger | B. gesture | C. gymnasium | D. gradual |
| Question 16: | A. criticism | B. arrival | C. interrupt | D. primitive |
| Question 17: | A. character | B. aching | C. chamber | D. orchestra |
| Question 18: | A. recommend | B. recognize | C. refrigerate | D. reference |
| Question 19: | A. organ | B. torn | C. landlord | D. worldly |
| Question 20: | A. sense | B. develop | C. enlarge | D. reserved |
| Question 21: | A. Mars | B. particular | C. superstar | D. charter |
| Question 22: | A. preschool | B. preposition | C. presence | D. pressure |
| Question 23: | A. postponed | B. received | C. attached | D. mingled |
| Question 24: | A. oxygen | B. typist | C. syllable | D. typical |
| Question 25: | A. breakfast | B. bread | C. reason | D. meant |
| Question 26: | A. design | B. preserve | C. physical | D. basic |
| Question 27: | A. fund | B. unusual | C. volunteer | D. muddy |
| Question 28: | A. fake | B. amaze | C. framework | D. merchant |
| Question 29: | A. requires | B. widens | C. scores | D. attacks |
| Question 30: | A. laugh | B. plough | C. fought | D. height |
| Question 31: | A. none | B. phone | C. stone | D. zone |
| Question 32: | A. life | B. like | C. live | D. lively |
| Question 33: | A. beard | B. hear | C. rear | D. swear |
| Question 34: | A. ancient | B. educate | C. stranger | D. transfer |
| Question 35: | A. account | B. astound | C. country | D. mounting |
| Question 36: | A. distributed | B. used | C. emailed | D. copied |
| Question 37: | A. invented | B. contributed | C. attributed | D. welcomed |
| Question 38: | A. coughed | B. developed | C. introduced | D. downloaded |
| Question 39: | A. wicked | B. reduced | C. influenced | D. expressed |
| Question 40: | A. accessed | B. searched | C. surfed | D. recorded |
| Question 41: | A. international | B. nation | C. national | D. nationality |
| Question 42: | A. language | B. massage | C. marriage | D. shortage |
| Question 43: | A. because | B. nurse | C. horse | D. purpose |
| Question 44: | A. cultures | B. customs | C. ideas | D. migrants |

- Question 45:** A. passed B. realized C. touched D. wished
Question 46: A. endangered B. gorilla C. global D. dragon
Question 47: A. change B. poaching C. chemical D. achievement
Question 48: A. horn B. vehicle C. hippo D. habitat
Question 49: A. species B. nest C. special D. helpful
Question 50: A. snorkelling B. sensitive C. diversity D. reserve
Question 51: A. application B. combustion C. navigation D. recognition
Question 52: A. computer B. communication C. command D. complicated
Question 53: A. advanced B. automated C. constructed D. reunited
Question 54: A. arrangement B. application C. activate D. assistance
Question 55: A. potential B. production C. promotion D. psychology
Question 56: A. advertisement B. applicant C. candidate D. management
Question 57: A. relevant B. energetic C. enthusiastic D. engineer
Question 58: A. organized B. prioritize C. important D. opportunity
Question 59: A. competitive B. entrepreneur C. apprenticeship D. conscientious
Question 60: A. challenging B. energetic C. management D. organized

Exercise 1.2

1.A	2.D	3.A	4.C	5.D	6.D	7.B	8.C	9.C	10.B
11.A	12.A	13.B	14.C	15.D	16.B	17.C	18.C	19.D	20.A
21.B	22.A	23.C	24.B	25.C	26.D	27.C	28.D	29.D	30.A
31.A	32.C	33.D	34.D	35.C	36.A	37.D	38.D	39.A	40.D
41.B	42.B	43.A	44.D	45.B	46.A	47.C	48.B	49.A	50.D
51.B	52.D	53.A	54.C	55.D	56.A	57.C	58.D	59.B	60.D

Câu 1

Đáp án A

- A. captain /'kæptɪn/
 B. table /'teɪbl/
 C. lazy /'leɪzi/
 D. base /beɪs/

Câu 2

Đáp án D

- A. teammate /'tiːmmet/
 B. reading /'riːdɪŋ/
 C. seaside /'siːsaɪd/
 D. creating /kriː'eɪt/

Câu 3

Đáp án A

- A. vegetation /ˌvedʒə'teɪʃn/
 B. destination /ˌdestrɪ'neɪʃn/
 C. adventure /əd'ventʃə(r)/
 D. detective /dɪ'tektɪv/

=> Đáp án A có phát âm chữ “e” là /ə/, các đáp án còn lại được phát âm là /e/.

Câu 4

Đáp án C

- A. risky /'rɪski/
- B. imprison /ɪm'prɪzn/
- C. wildlife /'waɪldlaɪf/
- D. victory /'vɪktəri/

Câu 5

Đáp án D

- A. orphan /'ɔ:fn/
- B. torch /tɔ:tʃ/
- C. afford /ə'fɔ:d/
- D. oxford /'ɒksfəd/

Câu 6

Đáp án D

- A. relieve /rɪ'li:v/
- B. believe /bɪ'li:v/
- C. thief /θi:f/
- D. ancient /'eɪnfənt/

Câu 7

Đáp án B

- A. ghost /gəʊst/
- B. lost /lɒst/
- C. post /pəʊst/
- D. mostly /'məʊstli/

Câu 8

Đáp án C

- A. crowded /'kraʊdɪd/
- B. towel /'taʊəl/
- C. towed /təʊd/
- D. vowel /'vaʊəl/

=> Đáp án C có nguyên âm được phát âm là /əʊ/. Các đáp án còn lại được phát âm là /aʊ/.

Câu 9

Đáp án C

- A. globe /gləʊb/
- B. emotion /ɪ'məʊʃn/
- C. official /ə'fɪʃl/
- D. lonely /'ləʊnli/

Câu 10

Đáp án B

- A. changes /tʃeɪndʒɪz/
- B. durables /'djʊərəblz/
- C. privileges /'prɪvələdʒɪz/
- D. marches /mɑ:tʃɪz/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:ks]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /misiz/ ; watches [wochiz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 11

Đáp án A

A. abandoned /ə'bəndənd/

B. flourished /'flaʊrɪʃt/

C. pumped /pʌmpt/

D. passed /pɑːst/

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 12

Đáp án A

A. variety /və'raɪəti/

B. varied /'veəriəd/

C. variable /'veəriəbl/

D. variation /,veəri'eɪʃn/

Câu 13

Đáp án B

A. discover /dɪ'skʌvə(r)/

B. awesome /'ɔːsəm/

C. tongue /tʌŋ/

D. won /wʌn/

Câu 14

Đáp án C

A. citrus /'sɪtrəs/

B. cereal /'sɪəriəl/

C. composer /kəm'pəʊzə(r)/

D. cinema /'sɪnəmə/

Câu 15

Đáp án D

A. ginger /'dʒɪndʒə(r)/

B. gesture /'dʒestʃə(r)/

C. gymnasium /dʒɪm'neɪziəm/

D. gradual /'grædʒuəl/

Câu 16

Đáp án B

A. criticism /'krɪtɪsɪzəm/

B. arrival /ə'raɪvl/

C. interrupt /,ɪntə'rʌpt/

D. primitive /'prɪmətɪv/

Câu 17

Đáp án C

- A. character /'kærəktə(r)/
- B. aching /eɪkɪŋ/
- C. chamber /'tʃeɪmbə(r)/
- D. orchestra /'ɔ:kɪstrə/

Câu 18

Đáp án C

- A. recommend /,rekə'mend/
- B. recognize /'rekəɡnaɪz/
- C. refrigerate /rɪ'frɪdʒəreɪt/
- D. reference /'refrəns/

Câu 19

Đáp án D

- A. organ /'ɔ:gən/
- B. torn /tɔ:n/
- C. landlord /'lændlɔ:d/
- D. worldly /'wɜ:ldli/

Câu 20

Đáp án A

- A. sense /sens/
- B. develop /dɪ'veləp/
- C. enlarge /ɪn'la:dʒ/
- D. reserved /rɪ'zɜ:vəd/

Câu 21

Đáp án B

- A. Mars /mɑ:z/
- B. particular /pə'tɪkjələ(r)/
- C. superstar /'su:pəstɑ:(r)/
- D. charter /'tʃɑ:tə(r)/

Câu 22

Đáp án A

- A. preschool /'pri:sku:l/
- B. preposition /,prepə'zɪʃn/
- C. presence /'preznz/
- D. pressure /'preʃə(r)/

Câu 23

Đáp án C

- A. postponed /pə'spəʊnd/
- B. received /rɪ'si:vəd/
- C. attached /ə'tætʃt/
- D. mingled /'mɪŋɡld/

Câu 24

Đáp án B

- A. oxygen /'ɒksɪdʒən/
- B. typist /'taɪpɪst/
- C. syllable /'sɪləbl/
- D. typical /'tɪpɪkl/

Câu 25

Đáp án C

- A. breakfast /'brekfəst/
- B. bread /bred/
- C. reason /'ri:zn/
- D. meant /ment/

Câu 26

Đáp án D

- A. design /dɪ'zaɪn/
- B. preserve /prɪ'zɜ:v/
- C. physical /'fɪzɪkl/
- D. basic /'beɪsɪk/

Câu 27

Đáp án C

- A. fund /fʌnd/
- B. unusual /ʌn'ju:ʒuəl/
- C. volunteer /ˌvɒlən'tɪə(r)/
- D. muddy /'mʌdi/

Câu 28

Đáp án D

- A. fake /feɪk/
- B. amaze /ə'meɪz/
- C. framework /'freɪmwɜ:k/
- D. merchant /'mɜ:tʃənt/

Câu 29

Đáp án D

- A. requires /rɪ'kwaɪə(r)z/
- B. widens /'waɪdnz/
- C. scores /skɔ:(r)z/
- D. attacks /ə'tæks/

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:ks]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 30

Đáp án A

- A. laugh /lɑ:f/
- B. plough /plaʊ/
- C. fought /fɔ:t/
- D. height /haɪt/

=> Đuôi -gh trong các đáp án B, C, D đều là âm câm. Đáp án A có đuôi này được phát âm là /f/

Câu 31

Đáp án A

- A. none /nʌn/
- B. phone /fəʊn/
- C. stone /stəʊn/
- D. zone /zəʊn/

Câu 32

Đáp án C

- A. life /laɪf/
- B. like /laɪk/
- C. live /lɪv/
- D. lively /'laɪvli/

Câu 33

Đáp án D

- A. beard /bɪəd/
- B. hear /hɪə(r)/
- C. rear /rɪə(r)/
- D. swear /sweə(r)/

Câu 34

Đáp án D

- A. ancient /'eɪnfənt/
- B. educate /'edʒukeɪt/
- C. stranger /'streɪndʒə(r)/
- D. transfer /træns'fɜ:(r)/

Câu 35

Đáp án C

- A. account /ə'kaʊnt/
- B. astound /ə'staʊnd/
- C. country /'kʌntri/
- D. mounting /'maʊntɪŋ/

Câu 36

Đáp án A

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

=> Theo quy tắc này, đáp án A được phát âm là /ɪd/; các đáp án còn lại được phát âm là /d/.

Câu 37**Đáp án D**

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 38**Đáp án D**

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

=> Do đó, ta thấy các đáp án A, B, C có đuôi -ed được phát âm là /t/; đáp án D được phát âm là /id/.

Câu 39**Đáp án A**

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Chú ý: Đuôi “-ed” trong các động từ sau khi sử dụng như tính từ sẽ được phát âm là /id/ (bất luận “ed” sau âm gì)

Ex: Aged, Blessed, Crooked, Dogged, Learned, Naked, Ragged, Wicked, Wretched

Câu 40**Đáp án D**

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 41**Đáp án B**

A. international /ˌɪntəˈnæʃnəl/

B. nation /ˈneɪʃn/

C. national /ˈnæʃnəl/

D. nationality /ˌnæʃəˈnæləti/

Câu 42**Đáp án B**

A. language /ˈlæŋɡwɪdʒ/

B. massage /ˈmæsɑːʒ/

C. marriage /ˈmærɪdʒ/

D. shortage /ˈʃɔːtɪdʒ/

Câu 43

Đáp án A

- A. because /bɪ'kəz/
- B. nurse /nɜ:s/
- C. horse /hɔ:s/
- D. purpose /'pɜ:pəs/

Câu 44

Đáp án D

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:ks]

Quy tắc 2: Phát âm là /iz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /misɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 45

Đáp án B

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 46

Đáp án A

Xét các đáp án:

- A. endangered /ɪn'deɪndʒəd/
- B. gorilla /gə'rɪlə/
- C. global /'glɒbl/
- D. dragon /'dræɡən/

=> Đáp án A có cách phát âm chữ "g" khác với đáp án còn lại.

Câu 47

Đáp án C

- A. change /tʃeɪndʒ/
- B. poaching /'pəʊtʃɪŋ/
- C. chemical /'kemɪkl/
- D. achievement /ə'tʃi:vmənt/

Đáp án C

Câu 48

Đáp án B

- A. horn /hɔ:n/
- B. vehicle /'vi:əkl/
- C. hippo /'hɪpəʊ/
- D. habitat /'hæbɪtæt/

Đáp án B

Câu 49

Đáp án A

- A. species /'spi:ʃi:z/
- B. nest /nest/
- C. special /'speʃl/
- D. helpful /'helpfl/

Câu 50

Đáp án D

- A. snorkelling /'snɔ:kəlɪŋ/
- B. sensitive /'sensətɪv/
- C. diversity /daɪ'vɜ:səti/
- D. reserve /rɪ'zɜ:v/

Câu 51

Đáp án B

- A. application /,æplɪ'keɪʃn/
- B. combustion /kəm'bəʃtʃən/
- C. navigation /,nævi'geɪʃn/
- D. recognition /,rekəg'nɪʃn/

Câu 52

Đáp án D

- A. computer /kəm'pjʊ:tə(r)/
- B. communication /kə'mju:nɪ'keɪʃn/
- C. command /kə'mɑ:nd/
- D. complicated /'kɒmplɪkətɪd/

Câu 53

Đáp án A

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là “s”.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

=> Đáp án A có đuôi -ed được phát âm là /t/, các đáp án còn lại được phát âm là /ɪd/.

Câu 54

Đáp án C

- A. arrangement /ə'reɪndʒmənt/
- B. applicable /ə'plɪkəbl/
- C. activate /'æktɪveɪt/
- D. assistance /ə'sɪstəns/

Câu 55

Đáp án D

- A. potential /pə'tenʃl/
- B. production /prə'dʌkʃn/
- C. promotion /prə'məʃjən/
- D. psychology /saɪ'kɒlədʒi/

Câu 56

Đáp án A

- A. advertisement /əd'vɜ:tɪsmənt/
- B. applicant /'æplɪkənt/
- C. candidate /'kændɪdət/
- D. management /'mænɪdʒmənt/

Câu 57

Đáp án C

- A. relevant /'reləvənt/
- B. energetic /,enə'dʒetɪk/
- C. enthusiastic /ɪn,θju:zi'æstɪk/
- D. engineer /,endʒɪ'nɪə(r)/

Câu 58

Đáp án D

- A. organized /'ɔ:gənaɪzd/
- B. prioritize /praɪ'ɔ:rətaɪz/
- C. important /ɪm'pɔ:tnt/
- D. opportunity /,ɒpə'tju:nəti/

Câu 59

Đáp án B

- A. competitive /kəm'petətɪv/
- B. entrepreneur /,ɒntrəprə'nɜ:(r)/
- C. apprenticeship /ə'prentɪʃɪp/
- D. conscientious /,kɒnʃi'enʃəs/

Câu 60

Đáp án D

- A. challenging /'tʃælɪndʒɪŋ/
- B. energetic /,enə'dʒetɪk/
- C. management /'mænɪdʒmənt/
- D. organized /'ɔ:gənaɪzd/

Exercise 1.3: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | | |
|---------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| Question 1: | A. tedious | B. <u>se</u> cure | C. <u>te</u> mporary | D. <u>re</u> warding |
| Question 2: | A. en <u>th</u> usiastic | B. smoo <u>th</u> | C. sou <u>th</u> ern | D. trustw <u>or</u> thy |
| Question 3: | A. tert <u>i</u> ary | B. trustw <u>or</u> thy | C. tempt <u>i</u> ng | D. shortl <u>i</u> st |
| Question 4: | A. pens <u>i</u> on | B. comm <u>i</u> sion | C. pass <u>i</u> on | D. decis <u>i</u> on |
| Question 5: | A. shortl <u>i</u> st | B. temp <u>o</u> rary | C. aff <u>o</u> rd | D. accord <u>i</u> ngly |
| Question 6: | A. gradu <u>a</u> te | B. mand <u>a</u> tory | C. expl <u>o</u> de | D. persu <u>a</u> de |
| Question 7: | A. investig <u>a</u> te | B. negl <u>e</u> ct | C. ga <u>o</u> l | D. progr <u>e</u> ss |
| Question 8: | A. choos <u>e</u> s | B. clo <u>o</u> thes | C. encourag <u>e</u> s | D. box <u>e</u> s |
| Question 9: | A. des <u>i</u> gn | B. pers <u>u</u> ade | C. purs <u>u</u> e | D. increas <u>e</u> |
| Question 10: | A. motivat <u>i</u> on | B. init <u>i</u> ative | C. opt <u>i</u> onal | D. restrict <u>e</u> d |
| Question 11: | A. amaz <u>i</u> ng | B. charg <u>e</u> | C. fem <u>a</u> le | D. tast <u>e</u> |
| Question 12: | A. break | B. breath | C. thre <u>a</u> d | D. tread |
| Question 13: | A. enoug <u>h</u> | B. ploug <u>h</u> | C. rough | D. toug <u>h</u> |

- Question 14: A. believes B. dreams C. girls D. parents
 Question 15: A. kissed B. laughed C. looked D. loved
 Question 16: A. lake B. bay C. cane D. lack
 Question 17: A. lurk B. luck C. but D. put
 Question 18: A. stopped B. expected C. finished D. faced
 Question 19: A. thoughtful B. threaten C. therefore D. thin
 Question 20: A. grease B. sympathy C. horse D. rose
 Question 21: A. secondary B. complimentary C. vocabulary D. supplementary
 Question 22: A. idiot B. idea C. idol D. ideal
 Question 23: A. police B. policy C. polite D. pollute
 Question 24: A. preferable B. preference C. preferably D. preferential
 Question 25: A. athlete B. capital C. stalk D. talent
 Question 26: A. emblem B. member C. regret D. theme
 Question 27: A. August B. gerund C. purpose D. suggest
 Question 28: A. dream B. mean C. peace D. steady
 Question 29: A. consist B. disable C. suggest D. vision
 Question 30: A. genius B. gorilla C. global D. gases
 Question 31: A. pollution B. poaching C. physical D. pesticide
 Question 32: A. warming B. warn C. walk D. wasn't
 Question 33: A. floor B. flood C. moorland D. door
 Question 34: A. increase B. release C. please D. grease
 Question 35: A. degree B. doctorate C. graduate D. kindergarten
 Question 36: A. bachelor B. chapter C. chemistry D. teacher
 Question 37: A. culture B. student C. institution D. university
 Question 38: A. appreciate B. psychology C. programme D. respectively
 Question 39: A. scholar B. technique C. archaeology D. achievement
 Question 40: A. ancient B. concern C. associate D. special
 Question 41: A. itinerary B. abundant C. elegance D. landscape
 Question 42: A. tomb B. dome C. mosaic D. poetic
 Question 43: A. numerous B. luxury C. perfume D. moment
 Question 44: A. academic B. apply C. apology D. achieve
 Question 45: A. dweller B. overcrowded C. network D. waste
 Question 46: A. commercial B. electricity C. advanced D. processing
 Question 47: A. inhabitant B. geography C. radiation D. available
 Question 48: A. upgrade B. presentation C. description D. consumption
 Question 49: A. disposal B. optimistic C. population D. occupy
 Question 50: A. sugar B. consume C. trans-fat D. obesity
 Question 51: A. vitamin B. mineral C. diet D. fitness
 Question 52: A. medicine B. remedy C. exercise D. obesity
 Question 53: A. balanced B. yoga C. fatty D. natural
 Question 54: A. vegetable B. hygiene C. sugary D. longevity
 Question 55: A. culture B. public C. sustain D. butterfly
 Question 56: A. pollution B. coral C. problem D. ecology
 Question 57: A. discount B. observe C. safari D. scuba-diving
 Question 58: A. relax B. departure C. benefit D. interest

Exercise 1.3

1.C	2.A	3.A	4.D	5.B	6.A	7.C	8.B	9.A	10.D
11.B	12.A	13.B	14.D	15.D	16.D	17.A	18.B	19.C	20.D
21.C	22.A	23.B	24.D	25.C	26.D	27.A	28.D	29.D	30.A

31.C	32.D	33.B	34.C	35.C	36.C	37.A	38.B	39.D	40.B
41.D	42.A	43.B	44.A	45.B	46.A	47.C	48.D	49.A	50.A
51.C	52.D	53.B	54.C	55.C	56.A	57.B	58.D		

Câu 1

Đáp án C

A. tedious /'ti:diəs/ hoặc /'tidiəs/

B. secure /sɪ'kjʊə(r)/

C. temporary /'tempərəri/

D. rewarding /rɪ'wɔ:diŋ/

=> Đáp án A có hai cách phát âm chữ “e” là /i:/ hoặc /i/, do đó ở đây ta xét theo cách thứ hai để đồng bộ cùng các đáp án B, D. Đáp án D có cách phát âm khác với các từ còn lại với chữ “e” là /e/.

Câu 2

Đáp án A

A. enthusiastic /ɪn'θju:zi'æstɪk/

B. smooth /smu:ð/

C. southern /'sʌðən/

D. trustworthy /'trʌstwɜ:ði/

Câu 3

Đáp án A

A. tertiary /'tɜ:ʃəri/

B. trustworthy /'trʌstwɜ:ði/

C. tempting /'temptɪŋ/

D. shortlist /'ʃɔ:tlɪst/

Đáp án A

Câu 4

Đáp án D

A. pension /'penʃn/

B. commission /kə'mɪʃn/

C. passion /'pæʃn/

D. decision /dɪ'sɪʒn/

Đáp án D

Câu 5

Đáp án B

A. shortlist /'ʃɔ:tlɪst/

B. temporary /'tempərəri/

C. afford /ə'fɔ:d/

D. accordingly /ə'kɔ:diŋli/

Câu 6

Đáp án A

A. graduate /'grædʒuət/

B. mandatory /'mændətəri/

C. explode /ɪk'spləʊd/

D. persuade /pə'sweɪd/

Câu 7

Đáp án C

- A. investigate /ɪn'vestɪgeɪt/
- B. neglect /nɪ'glekt/
- C. gaol /dʒeɪl/
- D. progress /'prɒʊgres/

Câu 8

Đáp án B

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜ:k]

Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /mɪsɪz/ ; watches [wɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

=> Căn cứ vào quy tắc trên, ta thấy 3 đáp án A, C, D đều có đuôi -es được phát âm là /ɪz/; đáp án B được phát âm là /z/.

Câu 9

Đáp án A

- A. design /dɪ'zain/
- B. persuade /pə'sweɪd/
- C. pursue /pə'sju:/
- D. increase /ɪn'kri:s/

Câu 10

Đáp án D

- A. motivation /ˌmɒtɪ'veɪʃn/
- B. initiative /ɪˌnɪʃətɪv/
- C. optional /'ɒpʃənl/
- D. restricted /rɪ'strɪktɪd/

Câu 11

Đáp án B

- A. amazing /ə'meɪzɪŋ/
- B. charge /tʃɑ:dʒ/
- C. female /'fi:meɪl/
- D. taste /teɪst/

Câu 12

Đáp án A

- A. break /breɪk/
- B. breath /breθ/
- C. thread /θred/
- D. tread /tred/

Câu 13

Đáp án B

- A. enough /ɪˈnʌf/
- B. plough /plaʊ/
- C. rough /rʌf/
- D. tough /tʌf/

Câu 14

Đáp án D

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -k, -p, -f, -t

EX: stops [stɒps] works [wɜːks]

Quy tắc 2: Phát âm là /iz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce

EX: misses /ˈmɪsɪz/ ; watches [ˈwɒtʃɪz]

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại

EX: study - studies; supply-supplies.....

Câu 15

Đáp án D

Giải thích: Có 3 cách phát âm ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

Câu 16

Đáp án D

- A. lake /leɪk/
- B. bay /beɪ/
- C. cane /keɪn/
- D. lack /læk/

Câu 17

Đáp án A

- A. lurk /lɜːk/
- B. luck /lʌk/
- C. but /bʌt/
- D. nut /nʌt/

Câu 18

Đáp án B

Giải thích: Có 3 cách phát âm đuôi -ed chính:

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/ và những động từ có từ phát âm cuối là "s".
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /ɪd/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại.

=> Căn cứ vào quy tắc trên, ta thấy 3 đáp án A, C, D có đuôi -ed được phát âm là /t/. Đáp án B đuôi -ed được phát âm là /ɪd/ vì âm tận cùng của nó là /t/.

Câu 19

Đáp án C

- A. thoughtful /ˈθɔːtfl/
- B. threaten /ˈθreɪn/

- C. therefore /'ðeəfɔ:(r)/
D. thin /θɪn/

Câu 20

Đáp án D

- A. grease /ɡri:s/
B. sympathy /'sɪmpəθi/
C. horse /hɔ:s/
D. rose /rəʊz/

Câu 21

Đáp án C

- A. secondary /'sekəndri/
B. complimentary /,kɒmplɪ'mentri/
C. vocabulary /və'kæbjələri/
D. supplementary /,sʌplɪ'mentri/

Câu 22

Đáp án A

- A. idiot /'ɪdiət/
B. idea /aɪ'diə/
C. idol /'aɪdl/
D. ideal /aɪ'di:əl/

Câu 23

Đáp án B

- A. police /pə'li:s/
B. policy /'pɒləsi/
C. polite /pə'laɪt/
D. pollute /pə'lu:t/

Câu 24

Đáp án D

- A. preferable /'prefrəbl/
B. preference /'prefrəns/
C. preferably /'prefrəbli/
D. prefer /prɪ'fɜ:r/

Câu 25

Đáp án C

- A. athlete /'æθli:t/
B. capital /'kæpɪtl/
C. stalk /stɔ:k/
D. talent /'tælənt/

Câu 26

Đáp án D

- A. emblem /'embləm/
B. member /'membə(r)/
C. regret /rɪ'ɡret/

D. theme /θi:m/

Câu 27

Đáp án A

- A. August /ɔ: 'gʌst/
- B. gerund /'dʒerənd/
- C. purpose /'pɜ:pəs/
- D. suggest /sə 'dʒest/

Câu 28

Đáp án D

- A. dream /dri:m/
- B. mean /mi:n/
- C. peace /pi:s/
- D. steady /'stedi/

Câu 29

Đáp án D

- A. consist /kən 'sɪst/
- B. disable /dɪs 'eɪbl/
- C. suggest /sə 'dʒest/
- D. vision /'vɪʒn/

Câu 30

Đáp án A

- A. genius /'dʒi:nɪəs/
- B. gorilla /gə 'rɪlə/
- C. global /'glɒbl/
- D. gases /gæs/

Câu 31

Đáp án C

- A. pollution /pə 'lu:ʃn/
- B. poaching /pəʊtʃ/
- C. physical /'fɪzɪkl/
- D. pesticide /'pestɪsaɪd/

Câu 32

Đáp án D

- A. warming /'wɔ:mɪŋ/
- B. warn /wɔ:n/
- C. walk /wɔ:k/
- D. wasn't /'wɒznt/

Câu 33

Đáp án B

- A. floor /flɔ:(r)/
- B. flood /flʌd/
- C. moorland /'mɔ:lənd/

D. door /dɔ:(r)/

Câu 34

Đáp án C

A. increase /ɪn'kri:s/

B. release /rɪ'li:s/

C. please /pli:z/

D. grease /gri:s/

Câu 35

Đáp án C

A. degree /dɪ'ɡri:/

B. doctorate /'dɒktərət/

C. graduate /'ɡrædʒuət/

D. kindergarten /'kɪndəɡɑ:tn/

Câu 36

Đáp án C

A. bachelor /'bætʃələ(r)/

B. chapter /'tʃæptə(r)/

C. chemistry /'kemɪstri/

D. teacher /'ti:tʃə(r)/

Câu 37

Đáp án A

A. culture /'kʌltʃə(r)/

B. student /'stju:dnt/

C. institution /,ɪnstɪ'tju:ʃn/

D. university /,ju:nɪ'vɜ:səti/

Câu 38

Đáp án B

A. appreciate /ə'pri:ʃiət/

B. psychology /saɪ'kɒlədʒi/

C. programme /'prɒɡræm/

D. respectively /rɪ'spektɪvli/

Câu 39

Đáp án D

A. scholar /'skɒlə(r)/

B. technique /tek'ni:k/

C. archaeology /,ɑ:ki'ɒlədʒi/

D. achievement /ə'tʃi:vmənt/

Câu 40

Đáp án B

A. ancient /'eɪnfənt/

B. concern /kən'sɜ:n/

C. associate /ə'səʊ.ʃi.ət/

D. special /'speʃl/

Câu 41

Đáp án D

- A. itinerary /aɪ'tɪnərəri/
- B. abundant /ə'bʌndənt/
- C. elegance /'elɪɡəns/
- D. landscape /'lændskeɪp/

Câu 42

Đáp án A

- A. tomb /tu:m/
- B. dome /dəʊm/
- C. mosaic /məʊ'zeɪk/
- D. poetic /pəʊ'etɪk/

Câu 43

Đáp án B

- A. numerous /'nju:mərəs/
- B. luxury /'lʌkʃəri/
- C. perfume /'pɜ:fju:m/
- D. confusing /kən'fju:zɪŋ/

Câu 44

Đáp án A

- A. academic /,ækə'demɪk/
- B. apply /ə'plai/
- C. apology /ə'pɒlədʒi/
- D. achieve /ə'tʃi:v/

Câu 45

Đáp án B

- A. dweller /'dwelə(r)/
- B. overcrowded /,əʊvə'kraʊdɪd/
- C. network /'netwɜ:k/
- D. waste /weɪst/

Câu 46

Đáp án A

- A. commercial /kə'mɜ:ʃl/
- B. electricity /ɪ'lek'trɪsəti/
- C. advanced /əd'vɑ:nst/
- D. processing /'prəʊsesɪŋ/

=> Đáp án A chữ “c” được phát âm là /k/; các đáp án còn lại được phát âm là /s/.

Câu 47

Đáp án C

- A. inhabitant /ɪn'hæbɪtənt/
- B. geography /dʒɪ'ɒɡrəfi/
- C. radiation /,reɪdɪ'eɪʃn/

D. available /ə'veɪləbl/

Câu 48

Đáp án D

A. upgrade /'ʌpgreɪd/

B. presentation /,prezn'teɪʃn/

C. description /dɪ'skrɪpʃn/

D. psychology /saɪ'kɒl.ə.dʒi/

Câu 49

Đáp án A

A. disposal /dɪ'spəʊzl/

B. optimistic /,ɒptɪ'mɪstɪk/

C. population /,pɒpju'leɪʃn/

D. occupy /'ɒkjupaɪ/

Câu 50

Đáp án A

A. sugar /'ʃʊɡə(r)/

B. consume /kən'sju:m/

C. transfer /træns'fɜ:r/

D. obesity /ə's'bi:səti/

Câu 51

Đáp án C

A. vitamin /'vɪtəmin/

B. mineral /'mɪnərəl/

C. diet /'daɪət/

D. fitness /'fɪtnəs/

Câu 52

Đáp án D

A. medicine /'medsn/

B. remedy /'remədi/

C. exercise /'eksəsaɪz/

D. obesity /ə's'bi:səti/

Câu 53

Đáp án B

A. balanced /'bælənst/

B. yoga /'jəʊgə/

C. fatty /'fæti/

D. natural /'nætʃrəl/

Câu 54

Đáp án C

A. vegetable /'vedʒtəbl/

B. hygiene /'haɪdʒi:n/

C. sugary /'ʃʊgəri/

D. longevity /lɒn'dʒevəti/

Câu 55

Đáp án C

A. culture /'kʌltʃə(r)/

B. public /'pʌblɪk/

C. sustain /sə'steɪn/

D. butterfly /'bʌtəflaɪ/

Câu 56

Đáp án A

A. pollution /pə'lu:ʃn/

B. coral /'kɒrəl/

C. problem /'prɒbləm/

D. ecology /i'kɒlədʒi/

Câu 57

Đáp án B

A. discount /'dɪskaʊnt/

B. observe /əb'zɜ:v/

C. safari /sə'fɑ:ri/

D. scuba-diving /'sku:bə daɪvɪŋ/

Câu 58

Đáp án D

A. relax /rɪ'læks/

B. departure /dɪ'pɑ:tʃə(r)/

C. benefit /'benɪfɪt/

D. interest /'ɪntrəst/